TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ QUANG** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HS-ST
Ngày 24/7/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ QUANG, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Toại và ông Lê Xuân Khanh
***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Quang tham gia phiên tòa*:**
Ông Nguyễn Hữu Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện Vũ Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Trần Văn H (*Tên gọi khác: Không*); sinh ngày 10/02/1986.
Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện H1, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu H, sinh năm 1965 và bà Lê Thị S, sinh năm 1962; gia đình có 3 con, bị cáo là con thứ nhất; chưa có vợ, con.
Tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Năm 2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản", đã được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/3/2018 cho đến nay; hiện có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Trần Văn H2 (*Tên gọi khác: Không*); sinh ngày 12/10/1986
Nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện H1, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Cán bộ BQL Rừng phòng hộ Sông Tiêm; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình V, sinh năm 1954 và bà Lưu Thị N, sinh năm 1963; gia đình có 3 con, bị cáo là con thứ nhất; vợ: Phan Thị Mai T, sinh năm 1995, có 01 con sinh năm 2014.
Tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Năm 2006, bị Tòa án nhân dân Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng xử phạt 06 thàng tù về tội " Trộm cắp tài sản", đã được xóa án tích; ngày 05/4/2011 bị Tòa án nhân dân Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 14 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản", đã được xóa án tích; ngày 22/5/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 05 năm tù về tội " Cướp

giật tài sản". Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/01/2018 theo Quyết định của cơ quan CSĐT Công an huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; hiện có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo H: Ông Võ Quốc H – Trợ giúp viên pháp lý Thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh Hà Tĩnh.

(Có mặt)

Bị hại: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1993

Địa chỉ: TDP 1, Phường N, thị xã H3, tỉnh Hà Tĩnh

(Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lê Đăng M, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H1, tỉnh Hà Tĩnh

(Có mặt)

2. Ông Trần Hữu H, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H1, tỉnh Hà Tĩnh

(Vắng mặt)

Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987

Hiện đang tạm giam ở Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 30/12/2017 Trần Văn H1 và Trần Văn H ngồi uống rượu tại nhà anh Lê Hữu K (xã H, huyện H1), khi uống có anh Nguyễn Văn T (quê xã P) và anh Lê Đăng L (quê xã H) cùng tham gia. Đến khoảng 01h ngày 31/12/2017 thì K, L và T đi ngủ còn H và H1 ngồi nói chuyện với nhau. Khoảng 02h H1 rủ H đi xuống huyện Đ chơi được H đồng ý. Khi đi, H1 điều khiển chiếc xe máy hiệu DaeHanxe màu nâu có BKS 38H7 -1598 chở H xuống nhà Nguyễn Văn B (Thôn 1 xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh) là bạn của H1; gặp B cả 3 ngồi nói chuyện, đến khoảng 05h sáng thì cả 2 ra về. H1 điều khiển xe theo tỉnh lộ 552 để đi về huyện V; khi qua Cầu Đ gần ngã 3 Chợ B (thuộc xã Đ2) H rủ H1 vào khu vực Chợ B mua bánh mỳ ăn đồng thời xem người nào đi chợ có tài sản sơ hở thì cướp để bán kiếm tiền tiêu xài thì được H1 đồng ý. Khi chở H đến gần cổng chính Chợ B, phát hiện chị Ngô Thị T (trú tại Thị xã H3) đang đứng ở cổng chợ, trên tay cầm chiếc điện thoại Vivo V3; lúc này H1 bảo với H " đó rồi tề", hiểu ý nên khi H1 điều khiển xe chạy chậm và áp sát người chị T, H ngồi phía sau dùng tay trái giật chiếc điện thoại trên tay của chị T. Sau khi giật được điện thoại, H1 tăng ga điều khiển xe bỏ chạy theo đường tỉnh lộ 552 về Hương khê. Trên đường về H và H1 trao đổi với nhau là không được tiết lộ hành vi cướp giật tài sản, thống nhất để H1 dùng chiếc điện thoại và đưa lại cho H một ít tiền. Do chưa có tiền nên H1 mới đưa cho H được 50 ngàn rồi cả 2 tiếp tục đi về nhà anh K. Sau khi về nhà anh K thì H lấy xe máy trên

chở anh L về, còn H1 ở lại chơi cùng anh K và T. Khoảng 19h30 cùng ngày trong khi đi giải quyết công việc H1đã cầm chiếc điện thoại đó cho anh Lê Đăng M là người cùng quê với giá 550.000đ; sau khi trả tiền xe Taxi số còn lại H1 tiêu xài hết.

Sau khi bị cướp giật chiếc điện thoại chị T đã trình báo với cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Vũ Quang; theo tin báo kết hợp với nghiệp vụ điều tra, cơ quan Cánh sát điều tra công an huyện Vũ Quang đã xác định được vật chứng và phát hiện ra được kẻ phạm tội. Tang vật chứng thu được, gồm:

- Thu giữ tại nhà Lê Đăng M 01chiếc điện thoại Vivo V3 màu hồng, màn hình cảm ứng; ngày 09/2/2018 HĐĐG đã xác định trị giá chiếc điện thoại là 3.000.000đ;
- Thu tại nhà ông Trần Hữu H Chiếc xe máy hiệu DaeHan màu nâu, BKS 38H7-1598.

Hiện nay các vật chứng cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sơ hữu; về số tiền cầm cố bị cáo chưa trả nhưng anh M không có yêu cầu lấy lại.

Bản cáo trạng số 08/CT-VKS-VQ ngày 06/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Quang truy tố Trần Văn H và Trần Văn H1 về tội " *Cướp giật tài sản*" theo điểm d khoản 2 Điều 136 BLHS 1999.

Các bị cáo đều khai nhận hành vi của mình như Cáo trạng đã nêu. Người bào chữa cho rằng việc bị cáo H phạm tội là đúng nhưng Viện kiểm sát truy tố tình tiết định khung dùng " Thủ đoạn nguy hiểm" là chưa đúng, như vậy là quá nặng và đề nghị nên thay đổi Thông tư 02; về trị giá tài sản 3 triệu là quá cao so với trị giá thực. Giá trị tài sản phạm tội không lớn, không gây thiệt hại nên áp dụng thêm điểm "g" ngoài tình tiết giảm nhẹ mà VKS đã nêu; hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị HĐXX cho bị cáo H được hướng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Quang vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS 1999, xử phạt Trần Văn H từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm 6 tháng tù, thời gian thụ hình tình từ ngày bị bắt tạm giam (09/3/2018); áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 xử phạt Trần Văn H1 từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm 6 tháng tháng tù; thời gian thụ hình tính từ ngày bắt thi hành án. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với 2 bị cáo.

Tang vật chứng là chiếc điện thoại Vivo V3 và chiếc xe máy có BKS H7 - 1598 là tài sản hợp pháp của người bị hại và người có quyền lợi liên quan nên trả lại; án phí các bị cáo phải chịu 200.000 đ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của của cơ quan Cánh sát Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá

trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do vậy các tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập; do bị cáo và người tham gia tố tụng khác cung cấp, thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn H và Trần Văn H1 đã tự nguyện khai nhận hành vi phạm tội của mình; đối chiếu lời khai của các bị cáo với lời khai của những người tham gia tố tụng khác cũng như tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được kiểm chứng tại phiên tòa là phù hợp với nội dung của Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã trình bày tại phiên tòa. Tài sản mà các bị cáo cướp được là chiếc điện thoại Vivo V3, theo Bản kết luận định giá số 08/KL-HĐĐGTS ngày 09/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng của UBND huyện Vũ Quang thì trị giá chiếc điện được xác định là 3.000.000 đ, với hành vi và hậu quả trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi của bị cáo Trần Văn H và Trần Văn H1 đã thực hiện đã phạm vào tội " *Cướp giật tài sản*". Theo hướng dẫn tại tiểu mục 5.3 mục 5 phần I Thông tư Liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001, việc bị cáo H1 lái xe máy áp sát để cho bị cáo H dùng tay giật tài sản trên tay chị T là tình tiết định khung thuộc trường hợp " Dùng thủ đoạn nguy hiểm" do vậy Tòa thấy rằng việc truy tố của Viện kiểm sát đối với 2 bị cáo với tội danh nêu trên theo điểm d khoản 2 Điều 136 BLHS 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không có gì oan sai.

[3] Xét về vị trí, tính chất vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cáo H là người khởi xướng còn trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội thì cả 2 đều tích cực như nhau. Về tình tiết tăng nặng cả 2 bị cáo đều không có; về tình tiết giám nhẹ các bị cáo đều khai báo thành khẩn được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999, riêng bị cáo H được người bị hại là chị Ngô Thị T có đơn xin giám nhẹ và gia đình có hoàn cảnh khó khăn được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS 1999.

[4] Quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo H đề nghị không áp dụng tình tiết định khung " Dùng thủ đoạn nguy hiểm" , đề nghị thay đổi Thông tư 02; đưa điểm "g" vào để xem xét giám nhẹ cho bị cáo và do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên cho bị cáo được hưởng án treo. HĐXX thấy việc áp dụng tình tiết " Dùng thủ đoạn nguy hiểm" để định khung của Viện kiểm sát là đúng; việc thay đổi Thông tư liên ngành số 02 thì không thuộc thẩm quyền của HĐXX; việc đưa tình tiết tại điểm "g" để giảm nhẹ cho bị cáo Hà là không phù hợp; mặc dù gia đình bị cáo có hàn cảnh khó khăn nhưng bị cáo là người có nhân thân xấu nên không thể để bị cáo ngoài xã hội được, do vậy đề nghị đó của người bào chữa không được HĐXX chấp nhận.

[5] Hành vi của Trần Văn H và Trần Văn H1 là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn; các bị cáo đều là đối tượng có nhân thân xấu, do đó cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng

ngừa. Xét về mức độ hành vi thì bị cáo H nguy hiểm hơn so với bị cáo H1 nhưng căn cứ vào tình tiết tăng nặng, giám nhẹ đã nêu trên đối với các bị cáo thì mức án cần tuyên phạt của 2 bị cáo tương đương nhau là phù hợp. Đối với bị cáo Trần Văn H1 mới đây, ngày 22/5/2018 đã bị TAND huyện Hương Khê xử phạt 05 năm tù về tội " *Cướp giật tài sản*" nhưng án chưa có hiệu lực do bị cáo kháng án nên việc tổng hợp hình phạt của 2 bản án sẽ do TAND tỉnh quyết định theo quy định tại Điều 56 của BLHS 2015. Xét hoàn cảnh gia đình thuộc diện hộ nghèo, các bị cáo không có việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Đối với trường hợp anh Lê Đăng M đã cho bị cáo Trần Văn H1 cầm chiếc điện thoại để lấy tiền nhưng không biết tài sản đó là do phạm tội mà có nên việc Viện kiểm sát chỉ đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người liên quan cũng là phù hợp.

[7] Các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra chị Ngô Thị T (người bị hại), anh Lê Đăng M và ông Trần Hữu H (Người liên quan) không yêu cầu và tại phiên tòa anh M vẫn giữ nguyên ý kiến; đối với chị T và ông H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có văn bản gửi đến không yêu cầu gì ngoài việc xin giảm nhẹ cho bị cáo H nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

- Về vật chứng: Trong quá trình điều tra đã thu giữ 1 chiếc điện thoại di động Vivo V3 và 1 chiếc xe máy hiệu DaeHan màu nâu, BKS 38H7-1598. Cơ quan Điều tra xác định chiếc điện thoại là tài sản của chị T là người bị hại nên đã trả lại. Đối với chiếc xe máy, ông Trần Hữu H đã cung cấp giấy chứng minh đó là tài sản của mình và việc con mượn chỉ biết là đi chơi chứ không biết là dùng vào việc phạm tội nên cơ quan Điều tra đã trả cho chủ sơ hữu. Xét thấy việc xử lý của cơ quan Điều tra về vật chứng như vậy là phù hợp, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc xử lý đó.

- Về số tiền mà bị cáo H1 đã cầm cho anh Lê Đăng M 550.000 đồng, nay anh M không yêu cầu lấy lại trong khi đó tài sản của chị T đã được thu hồi; đây là khoản tiền thu lợi bất chính nên cần tịch thu sung công quỹ. Trong số tiền này cũng được trừ cho bị cáo 50.000 đồng đã đưa cho bị cáo H trước đó; số tiền mà bị cáo H nhận được cũng phải buộc thu sung công quỹ nhà nước vì do thu lợi bất chính.

[8] Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn H và Trần Văn H1, phạm tội " Cướp giật tài sản".

Về hình phạt:

Áp dụng Điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo: Trần Văn H 48(*Bốn mươi tám*) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 09/3/2018.

Áp dụng Điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo: Trần Văn H1 48 (*Bốn mươi tám*) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Các biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS; điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước, đối với: Trần Văn H1 500.000 đ (*Năm trăm ngàn đồng*), Trần Văn H 50.000 đ (*Năm mươi ngàn đồng*).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 BLTTHS 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và Lệ phí; buộc Trần Văn H và Trần Văn H1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *Bị cáo;Người bị hại;*
- *Người có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan;*
- *VKSND huyện Vũ Quang;*
- *Công an huyện Vũ Quang;*
- *Chi cục THADS huyện Vũ Quang;*
- *THA Hình sự; Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;*
- *TAND tỉnh Hà Tĩnh;*
- *Lưu HSVS-VPTA*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hùng